

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2026/DS-PT

Ngày: 14-7-2026

V/v “Tranh chấp tiền công xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Định - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2026/TLPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2026 về “Tranh chấp tiền công xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 629/2026/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phước Đ, sinh ngày 08/11/1969. Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Bà Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số E, khu phố P, phường A, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp V, xã H, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường Đ, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn V, sinh năm: 1989. Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số I đường N, phường A, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ liên hệ: C đường N, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn V, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 02 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc Như Ý trình bày:*

Tháng 3/2023, do biết ông Đ nhận công để xây nhà ở nên ông V liên hệ ông Đ để nhờ xây nhà mới cho ông tại địa chỉ đất thửa số 782, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long). Các bên thỏa thuận tiền vật tư xây nhà ông V tự mua, ông Đ chỉ đứng ra lãnh xây và thuê nhân công, tiền công thợ chính là 420.000 đồng/ngày, tiền công phụ hồ là 350.000 đồng/ngày. Tiền công thợ sẽ được thanh toán theo từng tuần.

Ông Đ tiến hành xây nhà cho ông V từ tháng 3/2023 đến tháng 7/2023 thì nhà được xây xong. Ban đầu cứ cuối tuần là ông V thanh toán tiền công thợ cho ông Đ đúng như thỏa thuận. Sau đó, ông V xin nợ lại để xây xong thì sẽ thanh toán 01 lần, vì đã lỡ làm nên ông Đ cũng đồng ý. Đến tháng 7/2023, nhà được xây xong, số tiền công thợ ông V còn nợ ông Đ là 81.088.000 đồng. Ông V chỉ hứa hẹn chứ không thanh toán cho ông Đ.

Để làm tin, ngày 17/6/2024, ông Đ yêu cầu ông V lập Văn bản thỏa thuận trả nợ tại Văn phòng C với nội dung ông V còn thiếu ông Đ số tiền 81.088.000 đồng. Ông V cam kết trong vòng 04 tháng kể từ ngày 17/6/2024 đến ngày 17/10/2024 sẽ trả cho ông Đ số tiền trên. Quá thời hạn trả nợ như đã cam kết, ông V phải chịu lãi suất theo quy định.

Hiện tại đã qua thời hạn trả nợ đã lâu, mặc dù ông Đ nhiều lần yêu cầu nhưng ông V vẫn không thanh toán tiền còn nợ cho ông Đ.

Nay, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn V phải có trách nhiệm trả lại cho ông Đ số tiền công còn nợ là 81.088.000 đồng. Ông Đ yêu cầu tính lãi của số tiền trên kể từ ngày 17/10/2024 (thời hạn ông V cam kết trả nợ) đến

khi Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 20%/năm. Tạm tính từ ngày 17/10/2024 đến ngày 03/02/2025 (01 năm 03 tháng 15 ngày) là 20.947.000 đồng. Tổng số tiền ông Đ yêu cầu ông V phải trả là 102.035.000 đồng.

** Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn V trình bày:*

Tháng 3/2023, lúc này ông V vừa mua đất của ông Đoàn Văn N nên ông chỉ biết ông N chưa biết ông Đ. Sau khi ông N biết ông V có ý định xây nhà, ông N đứng ra nhận xây nhà cho ông V. Hai bên thỏa thuận việc xây nhà này bằng lời nói, không lập văn bản. Đến khi lên công trình, ông V mới biết ông N thuê lại ông Đ để xây nhà cho ông. Tất cả giao dịch chuyển tiền công, tiền vật tư xây dựng, ông V đều chuyển trực tiếp cho ông N mà không có bất kỳ một giao dịch chuyển tiền nào cho ông Đ.

Trong giai đoạn xây dựng từ tháng 3 đến tháng 6/2023, ông V chuyển tiền thanh toán tiền công và tiền vật tư hàng tuần cho ông N. Đến tháng 7/2023, do làm ăn thua lỗ, ông không còn khả năng thanh toán tiếp tục cho ông N số tiền công còn lại nên đã gặp ông N thỏa thuận. Ông N yêu cầu ông trả tiền còn nợ trực tiếp cho ông Đ. Ông Đ và ông V lập “Văn bản thỏa thuận” ngày 17/6/2024. Nội dung xác định ông V còn nợ của ông Đ số tiền công thợ là 81.088.000 đồng. Số tiền nợ này là tiền công còn nợ trước đó đến ngày ký văn bản thỏa thuận chưa trả cho đến nay. Khi ông V không trả số tiền công này, ông Đ ngưng không tiếp tục thực hiện hoàn thiện công trình cho đến khi xây dựng xong căn nhà. Khi ông Đ ngưng không làm nữa, công trình chỉ mới hoàn thiện khoảng 60%.

Ông V thừa nhận có nợ của ông Đ số tiền là 81.088.000 đồng là nợ tiền công thợ chưa trả. Ông đồng ý trả cho ông Đ 81.088.000 đồng này khi ông Đ khắc phục lại hiện trạng hư hỏng kết cấu nhà của ông ở phường S, tỉnh Vĩnh Long và lắp lại toàn bộ các hệ thống cửa X mà ông Đ đã tháo dỡ. Đối với yêu cầu tính lãi của ông Đ, ông V đồng ý trả tiền lãi trên số tiền 81.088.000 đồng còn nợ với mức lãi suất 01%/tháng; thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 17/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Sau khi ông V có đơn yêu cầu Tòa án hoãn phiên tòa, ngày 22/4/2026, ông V gửi đơn yêu cầu phản tố yêu cầu ông Đ phải trả lại cửa đã tháo dỡ và khắc phục lại hiện trạng hư hỏng do ông Đ tháo dỡ cửa. Ông V đồng ý thanh toán số tiền còn thiếu là 81.088.000 đồng. Khi hai bên thỏa thuận xong việc ông Đ khắc phục hư

hồng nhà và trả lại cửa, ông V sẽ hoàn trả số tiền còn nợ nêu trên cho ông Đ. Tổng giá trị bộ C1 khoảng 140.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Đ xây dựng hoàn tất căn nhà cho ông V và không có tháo hệ thống cửa nhà của ông V. Nếu ông V cho rằng ông Đ tháo dỡ cửa của ông V thì cung cấp chứng cứ chứng minh. Đối với yêu cầu tính lãi, ông Đ yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi suất 01%/tháng, thời hạn tính lãi kể từ ngày 17/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/4/2026 là 18 tháng 07 ngày, thành tiền là 15.163.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông Đ yêu cầu ông V trả là 96.251.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của ông V yêu cầu sau khi Tòa án hoãn phiên tòa là không hợp lệ, đề nghị Tòa án không chấp nhận việc phản tố này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long đã tuyên:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Áp dụng Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc ông Võ Văn V phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phước Đ số tiền công thợ còn nợ là 96.251.000 (chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 81.088.000 (tám mươi một triệu không trăm tám mươi tám nghìn) đồng và tiền lãi là 15.163.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/5/2026, bị đơn ông Võ Văn V kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của ông Võ Văn V là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn V; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Võ Văn V kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn V, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Ông Đ yêu cầu ông V trả cho ông Đ số tiền công còn nợ là 81.088.000 đồng và tiền lãi của số tiền nêu trên theo Văn bản thỏa thuận trả nợ ngày 17/6/2024 (bản sao có chứng thực). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông V xác định có nợ của ông Đ số tiền 81.088.000 đồng và đồng ý trả cho ông Đ số tiền nợ nêu trên khi ông Đ khắc phục hư hỏng nhà và trả lại cửa X cho ông V. Chứng cứ chứng minh là sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng (bản sao không có chứng thực).

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 01/4/2026, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải ngày 01/4/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long, ông V thừa nhận có nợ của ông Đ số tiền công thợ là

81.088.000 đồng. Số tiền của anh V thừa nhận phù hợp với chứng cứ là “Văn bản thỏa thuận trả nợ” ngày 17/6/2024 do nguyên đơn cung cấp. Ông V xác định đến nay vẫn còn nợ ông Đ số tiền công 81.088.000 đồng. Lời thừa nhận của ông V là chứng cứ không cần phải chứng minh. Yêu cầu của ông Đ là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc ông V có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền 81.088.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

2.2. Đối với yêu cầu của ông Đ yêu cầu ông V trả tiền lãi trên số tiền vốn nêu trên, với mức lãi suất yêu cầu áp dụng là 20%/năm. Tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất do ông V đồng ý trả là 01%/tháng nên ghi nhận. Về thời điểm tính lãi, tính từ ngày 17/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Như vậy, số tiền lãi ông V phải có trách nhiệm trả cho ông Đ từ ngày 17/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/5/2026 là 18 tháng 21 ngày x 81.088.000 đồng x 01%/tháng = 15.163.300 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu làm tròn số tiền lãi là 15.163.000 đồng nên ghi nhận.

2.3. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông V phải trả cho ông Đ là 81.088.000 đồng + 15.163.000 đồng = 96.251.000 đồng.

2.4. Đối với đơn phản tố của ông V được gửi đến Tòa án ngày 23/4/2026, sau phiên tòa đầu tiên ông V xin hoãn phiên tòa, là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông V có thể khởi kiện ông Đ để giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông V cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông V là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2026/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Vĩnh Long.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 138 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ Văn V phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Phước Đ số tiền công thợ còn nợ là 96.251.000 (chín mươi sáu triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 81.088.000 (tám mươi một triệu không trăm tám mươi tám nghìn) đồng và tiền lãi là 15.163.000 (mười lăm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.812.500 (bốn triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Phước Đ số tiền tạm ứng án phí là 2.550.000 (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004621 ngày 16/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn V phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010753 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Võ Văn V đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 6 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 6 - Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt